

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2024
V/v: Ly hôn tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2024 về việc *Ly hôn tranh chấp về nuôi con*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11a/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn T H, xã T1 A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D C, xã Th C, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Tống Văn Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T H, xã T1 A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa vắng mặt chị Th, anh Q. Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 05 tháng 03 năm 2024, bản tự khai ngày 22 tháng 03 năm 2024, cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Tống Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã T1 A, huyện Thiệu Hóa ngày 12/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Q uống rượu về đánh đập vợ con.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị Th về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 31/01/2024 đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tống Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là cháu Tống Văn N, sinh ngày 21/9/2011. Hiện nay cháu Nam đang ở với anh Q, vợ chồng ly hôn chị Th có nguyện vọng giao cháu N cho anh Tống Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản và công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho anh Tống Văn Q, nhưng anh Q không đến Tòa án. Vì vậy không có quan điểm trình bày của anh Q, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa chị Th và anh Q được, thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 1 điều 207 Bộ luật TTDS. Ngày 21/5/2024 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đến làm việc trực tiếp với anh Tống Văn Q và gia đình tại nhà anh Q. Tại biên bản làm việc anh Tống Văn Q trình bày việc chị Nguyễn Thị Th làm đơn xin ly hôn, anh Q biết. Các văn bản Tòa án gửi về anh Q đều nhận được nhưng vì không muốn ly hôn chị Th nên anh không đến Tòa án làm việc, anh Q cũng không đồng ý lấy lời khai. Đối với hôn nhân, hiện nay anh Q cũng không còn tình cảm với chị Th nữa nên anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị Th. Về con chung, vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Tống Văn N, sinh ngày 21/9/2011. Hiện nay cháu Nam đang ở với anh Q và bà nội là bà nội. Vợ chồng ly hôn anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam, anh yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), tại buổi làm việc Tòa án cũng đã giải thích việc anh Q có quyền được yêu cầu mức cấp dưỡng cao hơn, tuy nhiên anh Q cho rằng chỉ cần chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là anh có thể nuôi con vì chi phí cho con tại địa phương không cao. Về tài sản chung và công nợ thì vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Th, vắng mặt anh Q. Chị Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Tống Văn Q, về con chung chị Th đề nghị giao con chung là cháu Tống Văn N, sinh ngày 21/9/2011 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Về tài sản chị Th không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện

Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị HĐXX xử: Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Tống Văn Q.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Tống Văn N, sinh ngày 21/9/2011 cho anh Tống Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Tống Văn Q, anh Q có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn T H, xã T1 A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Tống Văn Q và chị Nguyễn Thị Th đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Th, anh Q.

[2].Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Tống Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 A, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống, anh Q có uống rượu về đánh đập vợ con. Tại biên bản làm việc với anh Q, anh Q trình bày anh không muốn ly hôn nên không đến Tòa án làm việc. Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Q. Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương cho biết địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng anh Q và chị Th như thế nào, địa phương chỉ nghe được qua hàng xóm và anh em họ hàng nói vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q đi uống rượu nên vợ chồng mâu thuẫn. Sau đó chị Th bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ đầu năm 2024 đến nay. Như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ

khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Th được ly hôn anh Q là phù hợp.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh Q đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là Tống Văn N, sinh ngày 21/9/2011. Tại đơn xin ly hôn cũng như quá trình giải quyết vụ án chị Th đề nghị giao cháu Tống Văn N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tại biên bản làm việc, anh Q cũng đồng ý theo nguyện vọng của chị Th, anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Q đề nghị chị Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng để đủ khả năng nuôi con, nhưng anh Q chỉ yêu cầu mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng lâu nay cháu Nam đang ở với anh Q, cháu đang ở ổn định, mặt khác trong biên bản lấy lời khai của cháu, cháu Nam cũng có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Như vậy căn cứ vào nguyện vọng của con và của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Tống Văn N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, song cũng cần xem xét đến mức thu nhập của bên không trực tiếp nuôi dưỡng để đưa ra mức cấp dưỡng phù hợp đảm bảo quyền lợi của các bên. Anh Q chỉ yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng, anh không đề nghị mức cao hơn, chị Th đề nghị được cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Nam gần đủ 13 tuổi, ở tuổi của cháu với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng là chưa phù hợp, trong khi chị Th đi làm công ty thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 15/6/2024 thì mức cấp dưỡng tối thiểu phải cao hơn $\frac{1}{2}$ thang lương tối thiểu của vùng. Tuy nhiên tại biên bản làm việc anh Q khẳng định anh chỉ cần chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), anh không yêu cầu mức cao hơn vì chi phí cho con tại địa phương cũng không cao. Vì vậy cần xem xét buộc chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; điều 227; khoản 1 điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Tống Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Tống Văn N, sinh ngày 21/9/2011 cho anh Tống Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Th có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001828 ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Th, Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T1 A;
- Thi hành án dân sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

